TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 231/2021/DS-ST Ngày 09 - 7 - 2021 V/v: Tranh chấp hợp đồng giao khoán.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà**: Bà Phạm Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 341/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng giao khoán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021, thông báo về việc chuyển lịch phiên tòa dân sự sơ thẩm ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Như H, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T).

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Gia Q, sinh năm 1977 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2020).

Địa chỉ: 85 Đặng Trần C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Như H trình bày:

Vào năm 2011, tôi có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) số 15/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Theo hợp đồng thì: Tôi đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 7.179m^2, diện tích bờ lô 1.042m^2. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 12, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 29.788.775đ; Giá trị vườn cây còn lại: 19.340.168đ. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, tính từ ngày ký hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, Tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì Tôi phát hiện Công ty có sự gian lận, cụ thể: Tôi phát hiện Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương tưới cho diện tích 7.179m^2 (từ năm 2011 -2017) mà Công ty không trả cho tôi phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu với số tiền là 1.830.645đ đồng (Bình quân một năm là 255.000 đồng/năm).

Theo đơn khởi kiện của tôi thì tôi yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả cho tôi tổng số tiền là 118.602.753,2đ *(Một trăm mười tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng)*.

Tại phiên tòa hôm nay tôi xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với hai yêu cầu là: Buộc Công ty trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công và buộc Công ty trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận, với tổng số tiền là 118.419.688,2đ *(Một trăm mười tám triệu bốn trăm mười chín nghìn sáu trăm tám mươi tám phẩy hai đồng)*. Tôi thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu trả tiền thuê giếng tưới nước thành yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T trả cho tôi tiền khấu hao kênh mương (Năm 2011 với diện tích 0,7179ha) với số tiền là 183.065đ (*Một trăm tám mươi ba nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng*). Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T, ông Trịnh Gia Q trình bày:

Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) thừa nhận là giữa Công ty với nguyên đơn có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020 nguyên đơn đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong hợp đồng, là vi phạm hợp đồng giao khoán đã ký kết.Việc làm của ông là vi phạm hợp đồng đã ký kết với Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa khởi kiện ông về việc Buộc ông phải trả sản lượng và một số khoản nợ khác cho Công ty. Nay ông Nguyễn Như H khởi kiện Công ty với nội dung yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền thuê giếng tưới nước cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2018) là 7.344.000đồng. Tổng cộng là 118.602.753,2đồng *(Một trăm mười tám triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng)*".

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Như H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Buộc Công ty trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công và buộc Công ty trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận. Thay đổi nội dung khởi kiện, buộc Công ty trả tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương từ năm 2011 – 2017 cho diện tích 0,7179 ha với số tiền là 1.830.645đ. Việc ông rút một phần yêu cầu khởi kiện thì Công ty không có ý kiến gì. Đối với số tiền còn lại *1.830.645đ (Một triệu, tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng)* là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của ông cho diện tích 0,7179ha (từ năm 2011-2017) ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông thì Công ty Cổ phần cà phê T hoàn toàn không đồng ý. Vì các lý do sau:

Thứ nhất: Việc Công ty thu 100% tiền khấu hao hồ đập kênh mương của các nguyên đơn nêu trên là đúng với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng giao khoán "Khi vào mùa tưới nước cho cây cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới nước diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hàng năm". Nhưng thực tế Công ty đã thu từ năm 2011 đến năm 2017 là giá theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt ngày 08/6/2011

(500.000đ/ha/năm) theo diện tích thực tế của từng nguyên đơn. Đồng thời, tại điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng cũng nêu rõ nghĩa vụ của bên B là "Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống kênh mương mương của Công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hàng năm:.

Thứ hai: Sau khi có sự thống nhất của cơ quan chủ quản tại công văn 2832/UBND-KT ngày 11/4/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại khoản tiền khấu hao hồ đập kenh mương của Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi. Công ty đã tiến hành chi trả cho các nguyên đơn nêu trên vào ngày 06/5/2019 thông qua đội trưởng đội sản xuất của nguyên đơn và ngày 07/11/2020 Công ty có thông báo số 714/TB-CT mời các nguyên đơn đến văn phòng Công ty trực tiếp nhận. Tuy nhiên, đã qua hai lần chi trả mà nguyên đơn vẫn cố tình không nhận tiền. Do vậy, đây là lỗi của các nguyên đơn chứ Công ty hoàn toàn muốn chi trả, Công ty hoàn toàn không có lỗi và không phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 302 Bộ luật dân sự 2005, khoản 3 Điều 351 Bộ luật dân sự 2015. Và hiện nay ông Thìn vẫn không nhận lại số tiền mà Công ty đã thu của ông. Việc Công ty thu tiền khấu hao kênh mương của ông 100% là đúng theo hợp đồng hai bên ký kết. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông 1.830.645đ *(Một triệu, tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng)*.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Nguyên đơn không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho nguyên đơn số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương cho diện tích đất nhận giao khoán.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương cho diện tích 0,7179ha (Năm 2013) với số tiền là 183.065đ (*Một trăm tám mươi ba nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng*).

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền là 118.419.688,2đ *(Một trăm mười tám triệu bốn trăm mười chín nghìn sáu trăm tám mươi tám phẩy hai đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định đây là *"Tranh chấp hợp đồng giao khoán"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) có địa chỉ tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần cà phê T là ông Trịnh Gia Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy: Giữa nguyên đơn với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau. Qua xem xét Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán thì nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán đã ký kết với Công ty kể từ ngày ký hợp đồng cho đến hết niên vụ cà phê 2017-2018

và các bên không có tranh chấp gì. Do đó, xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho nguyên đơn số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương của năm 2011 với diện tích 0,7179 ha là 183.065đ. Hội đồng xét xử thấy: Theo hợp đồng khoán gọn giữa ông Nguyễn Như H với Công ty Cổ phần cà phê T thì diện tích ông H nhận khoán là 0,7179ha. Tại Điều 1 của hợp đồng giao khoán có nêu: *"1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê"*. Và tại Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng có nêu *"Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm"* (điểm c khoản 2 Điều 2 của hợp đồng) và *"Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của Công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm"* (điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng). Mặt khác, tại trang 10 của Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 có nêu: Chi phí khấu hao hồ đập kênh mương là 500.000đồng/ha/năm (chi phí 100% trên vườn cây). Như vậy, phần 51% của Công ty là 255.000đồng/ha/năm, còn lại phần 49% của người nhận khoán là 245.000đồng/ha/năm.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn khai: Công ty đã thu tiền khấu hao kênh mương phần 51% của Công ty từ ông mà lẽ ra phần 51% này Công ty phải chịu theo Bảng phương án khoán. Và căn cứ vào diện tích nhận khoán của từng hộ nhận khoán mà Công ty đã thu phần 51% năm 2011 của Công ty từ ông với số tiền là 183.065đ.

Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T cho rằng: Trong các năm từ năm 2011 đến năm 2017, Công ty có thu 100% tiền khấu hao kênh mương của ông H. Việc Công ty thu tiền khấu hao kênh mương của ông 100% là đúng theo hợp đồng tại điểm c khoản 2 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 3 của các hợp đồng và tại trang 10 của Bảng phương án khoán gọn. Do đó việc ông khởi kiện Buộc Công ty trả lại tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương phần 51% cho ông là không có cơ sở.

Xét thấy, bị đơn lập luận như trên là không có cơ sở chấp nhận. Vì: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do Công ty cung cấp là: Bảng phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011, Tờ trình số 22/TTr-

CTTNHH ngày 12/02/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi, Danh sách các hộ nhận khoán đã nhận và chưa nhận lại tiền mương Công ty thu sai giai đoạn 2011 – 2017 lập ngày 26/11/2020 mà Công ty cung cấp thì ông Nguyễn Như H từ năm 2011 đến năm 2017, Công ty đã thu sai của ông H 183.065đ (Vào năm 2011). Như vậy, Công ty có thu tiền khấu hao kênh mương phần 51% của Công ty thu từ ông H mà lẽ ra phần 51% này Công ty phải chịu. Nên Công ty phải chịu trách nhiệm chi trả lại số tiền đã thu sai này. Mặt khác, tại thời điểm Công ty tiến hành chi trả ngày 06/5/2019 và cho đến hiện nay ông H không nhận là do Công ty không thừa nhận Công ty thu sai. Và hiện nay Công ty cho rằng Công ty thu đúng nên ông không nhận và đề nghị Tòa án tuyên bằng bản án vì ở đây Công ty cố ý thu sai, làm trái với nội dung bảng phương án khoán của UBND tỉnh đã phê duyệt. Do đó nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương phần 51% mà Công ty đã thu của ông là có cơ sở.

Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên. Căn cứ các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các Nông trường quốc doanh, Lâm trường quốc doanh; Luật đất đai năm 2003. Hội đồng xét xử thấy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của nguyên đơn ông Nguyễn Như H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là là 118.419.688,2đ *(Một trăm mười tám triệu bốn trăm mười chín nghìn sáu trăm tám mươi tám phẩy hai đồng)*. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như H được chấp nhận nên bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Như H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương cho diện tích 0,7179ha của ông (năm 2011) với số tiền là 183.065đ *(Một trăm tám mươi ba nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Như H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) phải trả lại số tiền 118.419.688,2đ *(Một trăm mười tám triệu bốn trăm mười chín nghìn sáu trăm tám mươi tám phẩy hai đồng)*.

Ông Nguyễn Như H được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê T) phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Như H số tiền 2.965.000đ *(Hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Như H đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0014137 ngày 16/7/2020

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà